

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Quang

2. Ông Nguyễn Trung Chính

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1266/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Hồng S, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Thanh P, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Khu phố L, phường T, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền ngày 16/9/2025).

- **Bị đơn:** Ông Ngô Đức T, sinh năm 1986. Địa chỉ: tổ G, ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Đình T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: Tổ G, ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Bùi Thị P1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Bà P1 ủy quyền cho: Ông Ngô Thanh P, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Khu phố L, phường T, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền ngày 16/9/2025).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Giao cho ông Ngô Đình T1 và bà Nguyễn Thị C được sở hữu 01 (một) căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 758, tờ bản đồ số 13 xã G, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với căn nhà (Căn nhà cấp 4 và tài sản gắn liền với căn nhà thể hiện tại Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 3258/2025 ngày 06/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ- Chi nhánh T2 và Chứng thư thẩm định giá số 317/2025/239/CT ngày 12/8/2025 của Công ty cổ phần T3).

Ông Ngô Đình T1 và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị Hồng S số tiền là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.2 Đình chỉ yêu cầu phân tố về chia tài sản chung là thửa đất số 05, tờ bản đồ 5212 ở xã A, tỉnh Đồng Nai của ông Ngô Đức T.

2.3 Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét tại chỗ, đo vẽ, sao lục hồ sơ và thẩm định giá tài sản với số tiền là 33.777.500 đồng, bà S và ông T mỗi người đồng ý chịu số tiền là 16.888.750 đồng. Bà S đã nộp tạm ứng số tiền 32.000.000 đồng, ông T đã nộp số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 1.777.500 đồng. Nên ông Ngô Đức T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Hồng S số tiền 15.111.250 đồng (Mười lăm triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

2.4 Về án phí:

Bà Ngô Thị Hồng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 6.250.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006381 ngày 25/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Nai), trả cho bà S số tiền còn lại là 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Ngô Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 6.250.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006663 ngày 07/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Nai), trả cho ông T số tiền còn lại là 10.250.000 đồng (Mười triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND KV3-Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Phúc